TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC LẶC** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DS-ST
Ngày: 17 - 8 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Văn Toản

Ông Lê Hữu Đại

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lê Văn Thịnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2020 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2021/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên toà số 03/2022/QĐST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2022, Quyết định tạm ngừng phiên toà số 01/2022/QĐST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2022, Quyết định hoãn phiên toà số 12/2022/QĐST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên toà số 17/2022/QĐST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2022 và Quyết định tạm ngừng phiên toà số 03/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị T; sinh năm: 1981; nơi cư trú: Thôn M, xã S, huyện N, tỉnh Thanh Hoá.

- *Bị đơn*: Chị Mai Thị N1; sinh năm: 1978; nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hoá.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn A; địa chỉ: Số 84, tổ 3, phường Q, quận H, Thành phố Hà Nội; là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn (Giấy uỷ quyền ngày 03/3/2021).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Vũ Văn Quyết; Luật sư Công ty Luật TNHH Hiệp Thành thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội.

- *Người làm chứng:* Chị Phạm Thị H1; sinh năm: 1981; địa chỉ: Làng B,

xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hoá; nơi công tác: Trường THCS C, huyện N, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà có mặt chị T, ông Tuấn A; vắng mặt ông Q, chị H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/9/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị T trình bày: Ngày 25/2/2018, chị có cho chị Mai Thị N vay số tiền là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), trong giấy vay không hẹn ngày trả, thoả thuận khi nào cần tiền thì chị sẽ báo trước cho chị N, khi đó chị N bảo vay để giải quyết công việc gia đình. Đến ngày 01/6/2018 chị có gặp chị N để hỏi số tiền trên thì chị N cứ khất đi khất lại nhiều lần và không có thiện chí trả nợ. Ngày 30/3/2019, chị có gửi đơn lên UBND xã Lam Sơn nhờ giải quyết, ngày 23/4/2019, UBND xã Lam Sơn đã tiến hành hoà giải giữa chị và chị N nhưng không thành. Nay chị làm đơn này yêu cầu Toà án buộc chị N phải trả cho chị số tiền gốc là 300.000.000đ và lãi tính 1%/tháng, tiền lãi tạm tính 32 tháng là 32 x 300.000.000đ x 1% = 96.000.000đ. Tổng tiền gốc và lãi chị N phải trả cho chị là 396.000.000đ (Ba trăm chín mươi sáu triệu đồng), chị N tiếp tục phải trả lãi cho số tiền nợ gốc đến khi chị N trả xong nợ cho chị. Giấy tờ chị N giao nộp là đã trả tiền cho chị đó là chị N trả nợ khoản 380.000.000đ chị N vay của chị chứ không phải khoản nợ chị đang khởi kiện. Tại phiên toà, chị bổ sung ý kiến: nếu trong quá trình giải quyết vụ án, chị N có thiện chí trả nợ thì chị yêu cầu trả mình tiền gốc, nhưng chị N không có ý thức trả nợ nên chị yêu cầu chị N phải trả cho chị số tiền gốc là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và tiền lãi tính 1%/tháng từ ngày 01/4/2018 đến ngày 01/8/2022 là 52 tháng là 52 x 300.000.000đ x 1% = 156.000.000đ. Tổng tiền gốc và lãi chị N phải trả cho chị tính đến ngày 01/8/2022 là 456.000.000đ (Bốn trăm năm mươi sáu triệu đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là chị Mai Thị N, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là ông Nguyễn Tuấn A không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn và trình bày: Ngày 27/02/2018, chị N chốt tất cả gốc và lãi của những lần vay trước chị đang còn nợ lại của chị T (mỗi lần vay bao nhiêu thì chị không nhớ do quá lâu) với tổng số tiền là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), thoả thuận lãi suất là 3%/ngày/triệu (tức là 3.000đ/triệu/ngày). Ngày 29/3/2018, ngày 08/4/2018 và ngày 18/4/2018, chị N đã trả 03 lần mỗi lần 100.000.000đ cho chị T, kèm tiền lãi. Hiện chị N đã trả xong nợ cho chị T. Tuy nhiên, để thể hiện thiện chí, nếu chị T đồng ý thoả thuận thì chị N sẽ trả cho chị T 150.000.000đ và chị T phải rút đơn khởi kiện coi như hai bên đã thanh toán xong.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị T, chị N, ông A, ông Q đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng vào các Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468; Điều 469; Điều 357 Bộ luật dân sự (sau đây viết tắt là BLDS): Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Trần Thị T: Buộc chị Mai Thị N phải trả cho chị Trần Thị T tổng số tiền nợ cả gốc và lãi tính đến ngày 01/8/2022 là 456.000.000đ (Bốn trăm năm mươi sáu triệu đồng), trong đó tiền gốc là 300.000.000đ, tiền lãi là 156.000.000đ. Chị N chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị T khởi kiện yêu cầu chị Mai Thị N, cư trú tại huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá trả số tiền đã vay nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Tư cách người tham gia tố tụng: Chị T khởi kiện chị N, chị N là bị đơn trong vụ án, chị N đã uỷ quyền lại cho ông Nguyễn Tuấn A, ông A là người đại diện theo uỷ quyền của chị N, có quyền, nghĩa vụ theo khoản 2 Điều 86 BLTTDS.

[3] Về nội dung: Chị Trần Thị T có giao nộp cho Toà án 01 (Một) Giấy vay tiền có chữ ký của chị Mai Thị N. Trong giấy vay tiền, có ghi: "Tên tôi Mai Thị N, địa chỉ: Thôn Trụ Sở, xã Lam Sơn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá có vay em Trần Thị T số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), vay từ tháng 02/2018, lãi chưa trả từ ngày 01/3/2018 (lãi ngày 3%). Chị N đã ký vào trong Giấy vay tiền. Chị N cũng thừa nhận chị có vay của chị T nhiều lần, tổng chốt nợ là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Như vậy việc vay tiền giữa chị N và chị T là có thực, nội dung của hợp đồng không trái pháp luật, được thể hiện bằng văn bản. Đây là hợp đồng hợp pháp được chấp nhận.

[4] Lời khai của chị N: Ngày 27/02/2018, chị N chốt tất cả gốc và lãi của những lần vay trước chị đang còn nợ lại của chị T (mỗi lần vay bao nhiêu thì chị không nhớ do quá lâu) với tổng số tiền là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), thoả thuận lãi suất là 3%/ngày/triệu (tức là 3.000đ/triệu/ngày). Ngày 29/3/2018, ngày 08/4/2018 và ngày 18/4/2018, chị N đã trả 03 lần mỗi lần 100.000.000đ cho chị T, kèm tiền lãi. Hiện chị N đã trả xong nợ cho chị T nhưng chưa lấy lại bản gốc giấy vay tiền.

[5] Qua các tài liệu do các bên cung cấp, cũng như quá trình các đương sự làm việc tại Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Ngọc Lặc, xác định, chị N đã trả 03 lần, mỗi lần 100.000.000đ cho chị T, kèm tiền lãi. Tuy nhiên số tiền này xác định là trong khoản nợ khác chị N vay của chị T là 380.000.000đ theo giấy vay, ngoài ra chị N không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ nào thể

hiện đã trả nợ cho chị T khoản tiền vay 300.000.000đ nên không có cơ sở chấp nhận ý kiến của chị N và người được uỷ quyền.

[6] Theo kết quả giải quyết đơn tố cáo của Công ty Luật TNHH Hiệp Thành đối với chị T, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Ngọc Lặc xác định: Những khoản tiền chị N trả cho chị T là thuộc khoản chị N vay 380.000.000đ, không có căn cứ xác định đã trả khoản vay 300.000.000đ theo giấy vay tiền. Kết luận trên đã được giao cho những người có liên quan trong việc giải quyết đơn của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Ngọc Lặc

[7] Từ những đánh giá nêu trên, khẳng định: Chị N có vay tiền của chị T, số tiền gốc chị N còn nợ lại của chị T là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) theo giấy vay tiền là có cơ sở nên chấp nhận.

[8] Về tiền lãi: Trong giấy vay hai bên ghi lãi suất là lãi ngày 3%. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, chị T yêu cầu chị N phải trả tiền lãi tính 1%/tháng từ ngày 01/4/2018 đến ngày 01/8/2022 là 52 tháng là 52 x 300.000.000đ x 1% = 156.000.000đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS nên chấp nhận.

Như vậy, chị N còn phải trả nợ cho chị T 300.000.000đ tiền gốc và 156.000.000đ tiền lãi của 52 tháng (từ ngày 01/4/2018 đến ngày 01/8/2022). Đối với số tiền lãi chị T nhận là 2.900.000đ, trừ vào tiền lãi tính từ ngày 15/02/2018 đến ngày 31/3/2018.

[9] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của chị T được chấp nhận nên chị không phải chịu án phí. Chị N phải chịu tiền án phí giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Trả lại chị T số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468; Điều 469; Điều 357 BLDS; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 BLTTDS; Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Trần Thị T: Buộc chị Mai Thị N phải trả cho chị Trần Thị T tổng số tiền nợ cả gốc và lãi tính đến ngày 01/8/2022 là 456.000.000đ (Bốn trăm năm mươi sáu triệu đồng), trong đó tiền nợ gốc là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), tiền lãi là 156.000.000đ (Một trăm năm mươi sáu triệu đồng).

Từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án, hàng tháng chị N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương

ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Chị Mai Thị N phải chịu 22.240.000đ (Hai mươi hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho chị Trần Thị T số tiền 9.900.000đ (Chín triệu chín trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, theo biên lai số AA/2019/0012048 ngày 15/10/2020.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị T, ông Tuấn A. Chị T, ông Tuấn A có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Tình